



shā rén fàn

杀人犯

noun · murderer

Example Sentences

jǐng chá zhuā zhù le nà gè shā rén fàn
警察抓住了那个杀人犯。

The police caught that murderer.

shā rén fàn bèi pàn le zhōng shēn jiān jìn
杀人犯被判了终身监禁。

The murderer was sentenced to life imprisonment.

Trace each character, then write the word on your own.

杀	杀	杀	杀	杀	杀	杀	杀	杀		
人	人	人	人	人						
犯	犯	犯	犯	犯	犯	犯	犯			